TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

**KHOA: NNVVH NHẬT BẢN**

****

**TIỂU LUẬN**

**HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU**

**ĐỀ TÀI: NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM TIẾNG “LÓNG” CỦA GIỚI TRẺ TRONG TIẾNG VIỆT (ĐỐI CHIẾU VỚI TIẾNG NHẬT)**

Giảng viên hướng dẫn : **NGUYẾN THỊ UYÊN**

Lớp : **17-01**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MSV** | **Họ và tên** | **Lớp** |
| 1. | 1777500034 | Trần Lê Hồng Trang | 17-01 |
| 2. | 1777500020 | Nguyễn Thị Ngọc Mai | 17-01 |
| 3. | 1777500039 | Lê Thị Cẩm Vân | 17-01 |

*Hà Nội, năm 2024*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MSV** | **Họ và tên** | **Lớp** | **Điểm** | |
| **Điểm số** | **Điểm chữ** |
| 1. | 1777500034 | Trần Lê Hồng Trang | 17-01 |  |  |
| 2. | 1777500020 | Nguyễn Thị Ngọc Mai | 17-01 |  |  |
| 3. | 1777500039 | Lê Thị Cẩm Vân | 17-01 |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | Ngày … tháng … năm 20… |
| **CÁN BỘ CHẤM THI 1**  *(Ký ghi rõ họ tên)* | **CÁN BỘ CHẤM THI 2**  *(Ký ghi rõ họ tên)* |

**MỤC LỤC**

[**A.** **MỞ ĐẦU** 4](#_Toc171017929)

[**1.** **Lý do chọn đề tài** 4](#_Toc171017930)

[**2.** **Nhiệm vụ nghiên cứu** 4](#_Toc171017931)

[**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu** 5](#_Toc171017932)

[**3.1.Đối tượng nghiên cứu:** 5](#_Toc171017933)

[**3.2. Đối tượng khảo sát** 5](#_Toc171017934)

[**3.3 Phạm vi nghiên cứu:** 5](#_Toc171017935)

[**4. Phương pháp nghiên cứu** 6](#_Toc171017936)

[**CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÍ LUẬN** 6](#_Toc171017937)

[**1.** **Cơ sở lý luận của đề tài** 6](#_Toc171017938)

[**1.1. Khái niệm tiếng “lóng”** 6](#_Toc171017939)

[**1.2. Nguồn gốc của tiếng lóng** 7](#_Toc171017940)

[**1.3. Một số đặc điểm và quá trình phát triển của tiếng “lóng”** 7](#_Toc171017941)

[**CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM TIẾNG LÓNG CỦA GIỚI TRẺ TRONG TIẾNG VIỆT CÓ SO SÁNH VỚI TIẾNG NHẬT** 9](#_Toc171017942)

[**2.1. Đặc điểm tiếng “lóng” của giới trẻ trong tiếng Việt** 9](#_Toc171017943)

[**2.2. Đặc điểm tiếng “lóng” của giới trẻ trong tiếng Nhật** 10](#_Toc171017944)

[**2.3.Điểm tương đồng và khác biệt giữa tiếng lóng của giới trẻ trong tiếng Việt và tiếng Nhật** 11](#_Toc171017945)

[**2.4. Tiểu kết** 12](#_Toc171017946)

[**C.** **KẾT LUẬN** 12](#_Toc171017947)

[**D.TÀI LIỆU THAM KHẢO** 12](#_Toc171017948)

# **MỞ ĐẦU**

# **1.Lý do chọn đề tài**

- Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp trọng yếu nhất của con người. Trong quá trình hội nhập thế giới, sự biến đổi và giao thoa văn hóa xã hội đòi hỏi ngôn ngữ phải có những thay đổi để đáp ứng các nhu cầu giao tiếp mới. Vì thế khi nước ta trong bối cảnh bắt đầu hội nhập và phát triển như hiện nay, tiếng Việt đang có biến đổi sâu sắc trên nhiều phương diện, ngôn ngữ cũng dần xuất hiện những hiện tượng mới mẻ. Những từ ngữ mới, cách diễn đạt mới được hình thành để thêm vào những khái niệm, ngữ nghĩa mà trong vốn tiếng Việt trước đấy còn thiếu vắng. Ngôn ngữ của giới trẻ trong tiếng Việt như là một luồng gió mới với không ít các cách nói, cách viết “khác lạ” làm xáo động đời sống tiếng Việt đương đại, tạo ra nhiều luồng dư luận khen chê trái chiều.

- Đây là vấn đề đã thu hút sự quan tâm, trăn trở của nhiều người đặt ra nhiệm vụ đối với người nghiên cứu là phải kịp thời nắm bắt và nghiên cứu những xu hướng phát triển mới của ngôn ngữ. Hơn nữa, xuất phát từ tình yêu tiếng Việt, quan tâm tới vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và đặc biệt là sự hứng thú với lĩnh vực ngôn ngữ học xã hội, cùng những lí do trên, tôi đã quyết định chọn đề tài nghiên cứu "Tiếng lóng ( slang) của học sinh, sinh viên trong tiếng Việt hiện nay".Nghiên cứu này không những có ý nghĩa về mặt lý thuyết mà còn có ý nghĩa về mặt thực tiễn giúp chúng ta cải thiện cách dùng từ khi nói chuyện với mọi người, nó còn giúp dạy và học ngoại ngữ tốt hơn. Đây là một trong những nhiệm vụ cấp thiết trong nghiên cứu và giáo dục ngôn ngữ trong bối cảnh hiện nay nhằm góp phần vào công cuộc chuẩn hóa và giáo dục ngôn ngữ trong giai đoạn mới.

## **2.Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Nhiệm vụ của đề tài nghiên cứu tiếng lóng ngôn ngữ của giới trẻ trong tiếng Việt thường bao gồm:

+ Xác định và thu thập tiếng lóng: Tìm kiếm, ghi nhận và tổng hợp các từ, cụm từ tiếng lóng được giới trẻ sử dụng phổ biến trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.

+ Phân loại tiếng lóng: Phân loại tiếng lóng theo các tiêu chí như chủ đề, ngữ cảnh sử dụng, nguồn gốc, và đặc điểm ngữ âm.

+ Phân tích ngữ nghĩa: Giải thích ý nghĩa của từng từ, cụm từ tiếng lóng, cùng với ngữ cảnh sử dụng cụ thể.

+ Đánh giá ảnh hưởng: Đánh giá tác động của việc sử dụng tiếng lóng đối với ngôn ngữ chuẩn mực và xã hội, bao gồm cả các tác động tích cực và tiêu cực.

+ So sánh với tiếng lóng trong ngôn ngũ Nhật: So sánh tiếng lóng của giới trẻ Việt Nam với tiếng lóng của giới trẻ ở các quốc gia khác để tìm ra điểm tương đồng và khác biệt.

+ Đề xuất ứng dụng: Đưa ra những đề xuất cho việc giáo dục, giao tiếp và phát triển ngôn ngữ trong cộng đồng dựa trên kết quả nghiên cứu.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1.Đối tượng nghiên cứu:**

- Số lượng tiếng lóng

- Đặc điểm nguồn gốc, ngữ âm, ngữ nghĩa của tiếng lóng,....

### **3.2. Đối tượng khảo sát**

a. Nhóm tuổi:

- Thanh thiếu niên: Đây là nhóm đối tượng chính vì họ là những người sáng tạo và sử dụng tiếng lóng nhiều nhất.

b. Nhóm sở thích và văn hoá:

- Nhóm yêu thích công nghệ: Những người đam mê công nghệ và game thường có từ lóng riêng liên quan đến lĩnh vực này.

- Nhóm yêu thích âm nhạc, thời trang: Các thuật ngữ mới thường xuất hiện từ các xu hướng âm nhạc, thời trang.

- Người sử dụng mạng xã hội tích cực: Những người này thường tạo ra và lan truyền các từ lóng nhanh chóng qua các nền tảng như Facebook, TikTok, Instagram.

### **3.3 Phạm vi nghiên cứu:**

- Đặc điểm và quá trình phát triển của tiếng “lóng”.

- Đặc điểm tiếng “lóng” của giới trẻ trong tiếng Việt

- Đặc điểm tiếng “lóng” của giới trẻ trong tiếng Nhật

- Điểm tương đồng và khác biệt giữa tiếng lóng của giới trẻ trong tiếng Việt và tiếng Nhật

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Sử dụng thủ pháp thống kê: để lập danh sách tiếng lóng

- Phương pháp miêu tả: miêu tả các đặc điểm ngôn ngữ của tiếng lóng: cấu tạo, nguồn gốc, ngữ nghĩa,...

- Phương pháp phân tích tổng hợp

- Phương pháp so sánh đối chiếu: tìm điểm tương đồng và khác biệt giữ tiếng lóng tiếng Việt-tiếng Nhật

- Quan sát tham gia:

+ Tham gia các cộng đồng trực tuyến: Quan sát và tham gia vào các nhóm, diễn đàn, hoặc trang mạng xã hội nơi giới trẻ thường sử dụng tiếng lóng. Điều này giúp thu thập dữ liệu thực tế và cập nhật về cách sử dụng tiếng lóng trong môi trường tự nhiên.

+ Quan sát trong đời sống hàng ngày: Tham gia và quan sát trong các môi trường như trường học, quán cafe, công viên, nơi giới trẻ thường xuyên tụ tập và giao tiếp.

# **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÍ LUẬN**

## **1.Cơ sở lý luận của đề tài**

### **1.1. Khái niệm tiếng “lóng”**

- Tiếng lóng là các từ, cụm từ, biểu hiện ngôn ngữ được sử dụng bởi một nhóm cộng đồng cụ thể, thường là giới trẻ hoặc các tầng lớp nhất định, và không phải là ngôn ngữ chính thống. [….]

- Tiếng lóng được sử dụng để truyền tải thông điệp và tạo sự kết nối trong cộng đồng sử dụng. Các từ lóng thường bao gồm các từ viết tắt, từ ngữ dễ hiểu nhưng không chính thống, và thường bao gồm cả âm thanh, biểu cảm hoặc cử chỉ như meme để truyền tải ý nghĩa.

- Ví dụ:

+ Tiếng Việt: vãi, toang, gấu,....

Vãi: (theo Từ điển) nghĩa của từ này là động từ chỉ “ném rải ra nhiều phía trên một diện tích nhất định (thường với những vật có dạng hạt nhỏ)” nhưng đã được giới trẻ biến đổi nghĩa để dùng với mục đích nói về sự cảm thán, thường được biểu thị cảm xúc "ngạc nhiên, sốc, không thể tin đc”

Toang: (theo Từ điển) là tính từ miêu tả vật có độ mở, độ hở rộng hết cỡ, trông như banh cả ra, nhưng đã được giới trẻ biến đổi nghĩa để dùng với mục đích nói về sự cảm thán, ám chỉ sự “hỏng”, sự đổ vỡ, mất mát, sự huỷ bỏ một kế hoạch nào đó, sự kết thúc một câu chuyện, một công việc nào đó.

Gấu: (theo Từ điển) thú ăn thịt cỡ lớn, đuôi cộc, đi bằng bàn chân, thường trèo cây ăn mật ong, có đặc tính ngủ đông, nhưng đã được giới trẻ biến đổi nghĩa để dùng với mục đích nói về bạn gái/bạn trai

+ Tiếng Nhật: (theo Mazii – từ điển tiếng Nhật) くそがき(kusogaki: trẻ ranh), こんやろう (konyarou: Thằng cờ hó này), ばかやろう (bakayaro: Thằng ngu),....Chỉ có một nghĩa duy nhất, khác với tiếng Việt.

### **1.2. Nguồn gốc của tiếng lóng**

- Nguồn gốc của tiếng lóng là từ các cộng đồng nhỏ, thường là giới trẻ, hội nhóm, hay những tầng lớp xã hội nhất định. Các từ lóng thường được tạo ra để thể hiện sự khác biệt với ngôn ngữ chính thống và tạo ra sự kết nối trong cộng đồng sử dụng. Trong một số trường hợp, tiếng lóng có thể phát triển từ các biểu hiện ngôn ngữ của các nhóm xã hội đặc biệt như giới tù nhân hoặc giới du mục.

- Tiếng lóng xuất phát từ ba nguồn ngôn ngữ khác nhau, bao gồm tiếng lóng thuần Việt, tiếng lóng gốc Hán và tiếng lóng vay mượn từ Ấn-Âu. Một số từ lóng cũng có thể xuất phát từ các tiếng nước ngoài hoặc từ các khu vực khác nhau của đất nước. Điều này giải thích lý do tại sao số lượng từ lóng hiện nay ngày càng phong phú và đa dạng.

### **1.3. Một số đặc điểm và quá trình phát triển của tiếng “lóng”**

a. Một số đặc điểm

- Đặc điểm tiếng lóng ngôn ngữ của giới trẻ trong tiếng Việt hiện nay thường phản ánh sự phong phú, sáng tạo và thường thức của các bạn trẻ. Các từ ngữ, cụm từ được sử dụng thường xuyên thể hiện sự trẻ trung, hiện đại và thường có sự biến đổi nhanh chóng theo thời gian.

- Trong khi đó, tiếng lóng ngôn ngữ của giới trẻ trong tiếng Nhật cũng có những đặc điểm tương tự. Các từ ngữ, cụm từ được sử dụng thường phản ánh sự sáng tạo, độc đáo và thường có sự thay đổi nhanh chóng theo xu hướng của xã hội Nhật Bản.

- Tuy nhiên, có một điểm khác biệt lớn giữa tiếng lóng ngôn ngữ của giới trẻ trong tiếng Việt và tiếng Nhật đó là sự ảnh hưởng của văn hóa và truyền thống dân tộc. Tiếng lóng ngôn ngữ của giới trẻ trong tiếng Việt thường phản ánh sự pha trộn giữa văn hóa Việt Nam và các yếu tố ngoại lai, trong khi tiếng lóng ngôn ngữ của giới trẻ trong tiếng Nhật thường phản ánh sự thấm nhuần của văn hóa Nhật Bản.

Ví dụ:

+ Tiếng Việt:

•Tiếng lóng "bịp" (giỏi, xuất sắc) trong cộng đồng học sinh.

•Tiếng lóng "vãi cả" (rất) trong một số cộng đồng thanh thiếu niên.

+ Tiếng Nhật:

• ヤバい (Yabai): Thường được sử dụng để diễn đạt sự ngạc nhiên, kinh ngạc hoặc thú vị.

このラーメン、めっちゃ美味しいよ！(Kono ramen, meccha oishii yo!) - Mì ramen này, ngon vô cùng!

• めっちゃ (Meccha): Thường được sử dụng để diễn đạt sự rất, cực kỳ hoặc vô cùng.

このラーメン、めっちゃ美味しいよ！(Kono ramen, meccha oishii yo!) - Mì ramen này, ngon vô cùng!

b. Quá trình phát triển của tiếng “lóng”

- Hình thành: Tiếng lóng thường xuất phát từ các cộng đồng nhỏ, như các nhóm bạn bè, thanh thiếu niên, cộng đồng nghệ sĩ, hay người cùng quan tâm đến một lĩnh vực cụ thể. Những người trong cộng đồng này sẽ tạo ra các thuật ngữ, từ ngữ, hoặc cách diễn đạt riêng để giao tiếp với nhau.

- Sự sáng tạo: Tiếng lóng thường được tạo ra thông qua sự sáng tạo và đổi mới ngôn ngữ. Các thành viên trong cộng đồng có thể tạo ra từ mới, thay đổi ý nghĩa của từ hiện có, hoặc sử dụng các cấu trúc ngôn ngữ không chính thống. Điều này giúp tạo nên tính độc đáo và phong cách riêng cho tiếng lóng.

- Sự lan rộng: Ban đầu, tiếng lóng thường chỉ được sử dụng bên trong cộng đồng nhỏ. Tuy nhiên, nó có thể lan rộng ra các cộng đồng lớn hơn thông qua việc truyền miệng hoặc thông qua các phương tiện truyền thông, như âm nhạc, phim ảnh, hoặc mạng xã hội. Khi tiếng lóng được sử dụng rộng rãi, nó có thể trở thành một phần của văn hóa địa phương hoặc quốc gia.

- Thay đổi và tiếp tục phát triển: Tiếng lóng không phải là một hệ thống ngôn ngữ tĩnh, mà thường tiếp tục thay đổi và phát triển theo thời gian. Các thuật ngữ và cách diễn đạt trong tiếng lóng có thể thay đổi hoặc bị lãng quên khi cộng đồng thay đổi hoặc xuất hiện các xu hướng mới.

# **CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM TIẾNG LÓNG CỦA GIỚI TRẺ TRONG TIẾNG VIỆT CÓ SO SÁNH VỚI TIẾNG NHẬT**

## **2.1. Đặc điểm tiếng “lóng” của giới trẻ trong tiếng Việt**

- Đặc điểm về cấu tạo từ:

+ Từ ngữ rút gọn: Trong tiếng "lóng", các từ thường được rút gọn, bỏ đi các phụ âm cuối hoặc kết hợp các âm tiết lại với nhau. Ví dụ: "đại ca" thành "đái cà", "anh em" thành "a e".

+ Từ mới tạo ra: Người sử dụng tiếng "lóng" thường tạo ra các từ mới thông qua việc kết hợp các âm tiết, thêm hậu tố, tiền tố hoặc thay thế một phần âm tiết trong từ gốc. Ví dụ: "xỉn" thành "xỉn hàn", "điên" thành "điên rồ".

* Đặc điểm về nguồn gốc ngôn ngữ:

+ Sự pha trộn giữa tiếng Việt và tiếng Hán: Trong tiếng "lóng", có sự pha trộn giữa các từ tiếng Việt và tiếng Hán. Từ ngữ tiếng Hán thường được sử dụng để tạo ra hiệu ứng hài hước hoặc tăng tính biểu cảm của câu nói.

+ Sự ảnh hưởng từ tiếng Anh và các ngôn ngữ khác: Với sự phát triển của Internet và các công nghệ truyền thông, tiếng "lóng" cũng có thể chứa các từ và cụm từ mượn từ tiếng Anh hoặc các ngôn ngữ khác.

* Phân nhóm nghĩa:

+ Tiếng "lóng" có thể được chia thành các nhóm nghĩa dựa trên ngữ cảnh sử dụng hoặc các từ có cùng ý nghĩa. Dưới đây là một số nhóm nghĩa phổ biến trong tiếng "lóng":

+ Nhóm nghĩa vui nhộn, hài hước: Các từ được sử dụng để tạo ra hiệu ứng hài hước, cười và mang tính châm biếm. Ví dụ: "bá đạo" (có quyền lực), "đốn tim" (rất đẹp), "bốc mả" (rất giỏi).

+ Nhóm nghĩa biểu cảm: Các từ được sử dụng để diễn đạt cảm xúc, tình trạng tâm trạng của người nói. Ví dụ: "nản" (thất vọng), "hờn" (tức giận), "bối rối" (lúng túng).

+ Nhóm nghĩa xã hội, văn hóa: Các từ được sử dụng để đề cập đến các vấn đề xã hội, văn hóa hoặc các thuật ngữ, biểu ngữ đặc trưng của giới trẻ. Ví dụ: "quẩy" (tiệc tùng), "íc" (đồng ý), "sướng" (thích).

## **2.2. Đặc điểm tiếng “lóng” của giới trẻ trong tiếng Nhật**

- Đặc điểm về cấu tạo từ:

+ Sử dụng các từ viết tắt: Trong tiếng "lóng" Nhật Bản, người ta thường sử dụng các từ viết tắt hoặc rút gọn để diễn đạt nhanh gọn và tạo ra hiệu ứng năng động. Ví dụ: "arigatou" (cảm ơn) trở thành "ari" hoặc "gachi" (quyết tâm) trở thành "gacchi".

+ Sử dụng các ký hiệu và biểu tượng: Tiếng "lóng" Nhật Bản có xu hướng sử dụng các ký hiệu và biểu tượng để thể hiện cảm xúc hoặc gửi thông điệp. Ví dụ: "〜(^^〜)" để biểu thị cười, "orz" để biểu thị sự chịu đựng hoặc thất bại.

* Đặc điểm về nguồn gốc ngôn ngữ:

+ Sự pha trộn giữa tiếng Nhật và tiếng Anh: Tiếng "lóng" của giới trẻ Nhật Bản có sự pha trộn giữa các từ tiếng Nhật và tiếng Anh. Các từ tiếng Anh thường được sử dụng để tạo ra sự hiện đại hoặc thể hiện phong cách của giới trẻ. Ví dụ: "kawaii" (dễ thương) trở thành "kawaī" hoặc "fashion" (thời trang) trở thành "fasshon".

- Phân nhóm nghĩa:

+ Tiếng "lóng" của giới trẻ Nhật Bản có thể được chia thành các nhóm nghĩa dựa trên ngữ cảnh sử dụng hoặc các từ có cùng ý nghĩa. Dưới đây là một số nhóm nghĩa phổ biến trong tiếng "lóng" của giới trẻ Nhật Bản:

+ Nhóm nghĩa vui nhộn, hài hước: Các từ được sử dụng để tạo ra hiệu ứng hài hước, cười và mang tính châm biếm. Ví dụ: "maji" (nghiêm túc) trở thành "maji de" (thật sự), "yabai" (nguy hiểm) trở thành "yabai desu" (thật là nguy hiểm).

+ Nhóm nghĩa biểu cảm: Các từ được sử dụng để diễn đạt cảm xúc, tình trạng tâm trạng của người nói. Ví dụ: "meccha" (rất), "doki doki" (hồi hộp), "kimoi" (ghê tởm).

+ Nhóm nghĩa xã hội, văn hóa: Các từ được sử dụng để đề cập đến các vấn đề xã hội, văn hóa hoặc các thuật ngữ, biểu ngữ đặc trưng của giới trẻ. Ví dụ: "gyaru" (cô gái thời trang), "purikura" (ảnh tự sướng trên máy ảnhngay), "omotenashi" (phục vụ tận tâm).

## **2.3.Điểm tương đồng và khác biệt giữa tiếng lóng của giới trẻ trong tiếng Việt và tiếng Nhật**

- Điểm tương đồng giữa tiếng lóng của giới trẻ trong tiếng Việt và tiếng Nhật:

+ Cả hai đều là ngôn ngữ phụ, được sử dụng bởi nhóm thanh niên và giới trẻ để thể hiện sự cá nhân hóa và tạo ra sự gần gũi trong nhóm.

+ Cả hai đều có xu hướng sử dụng từ viết tắt, rút gọn và các biểu tượng để thể hiện cảm xúc, tạo ra hiệu ứng năng động và thú vị.

+ Cả hai đều sử dụng các thuật ngữ, biểu ngữ đặc trưng của giới trẻ và có thể chia thành các nhóm nghĩa dựa trên ngữ cảnh sử dụng.

- Điểm khác biệt giữa tiếng lóng của giới trẻ trong tiếng Việt và tiếng Nhật:

+ Cấu tạo từ: Trong tiếng lóng tiếng Việt, người ta thường sử dụng việc viết từ theo cách nghe phổ biến trong giới trẻ, ví dụ như viết "ch" thành "x" (chịu -> xịu), "ng" thành "n" (ngon -> non), hoặc viết tắt các từ bằng cách lấy một phần chữ đầu của từ. Trong khi đó, tiếng lóng tiếng Nhật thường sử dụng từ viết tắt, rút gọn và các ký hiệu, biểu tượng để tạo ra hiệu ứng năng động.

+ Nguồn gốc ngôn ngữ: Tiếng lóng tiếng Việt có sự pha trộn giữa tiếng Việt và tiếng Anh, với sự ảnh hưởng lớn từ tiếng Anh trong từ vựng và ngữ pháp. Trong khi đó, tiếng lóng tiếng Nhật có sự pha trộn giữa tiếng Nhật và tiếng Anh, nhưng cũng có sự ảnh hưởng từ tiếng Hán-Việt và các thuật ngữ đặc trưng của giới trẻ Nhật Bản.

+ Văn hóa và ngữ cảnh sử dụng: Tiếng lóng tiếng Việt và tiếng lóng tiếng Nhật phản ánh văn hóa và ngữ cảnh sử dụng riêng của từng quốc gia. Tiếng lóng tiếng Việt thường có tính chất hài hước, châm biếm và thường được sử dụng trong các tình huống giao tiếp hàng ngày. Trong khi đó, tiếng lóng tiếng Nhật có tính chất thời trang, hiện đại và thường được sử dụng trong các tình huống trò chuyện trực tuyến, trên mạng xã hội và trong các nhóm cộng đồng trẻ tuổi.

## **2.4. Tiểu kết**

- Việc sử dụng tiếng lóng của giới trẻ trên mạng xã hội không nên bị cấm đoán hoàn toàn mà cần được hướng dẫn và điều chỉnh hợp lý. Bằng cách kết hợp các giải pháp giáo dục, quy định, truyền thông và công nghệ, chúng ta có thể giúp giới trẻ phát triển ngôn ngữ một cách cân bằng, sáng tạo nhưng vẫn giữ được sự chuẩn mực và dễ hiểu trong giao tiếp.

# **C. KẾT LUẬN**

Tiếng lóng của giới trẻ là một phần quan trọng và không thể thiếu trong ngôn ngữ hiện đại. Nó không chỉ phản ánh sự sáng tạo và cá tính của người trẻ mà còn cho thấy sự ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa, xã hội và công nghệ đến ngôn ngữ. Tuy nhiên, việc sử dụng tiếng lóng cần được điều chỉnh hợp lý để đảm bảo tính chuẩn mực và hiệu quả trong giao tiếp, đặc biệt là trong các bối cảnh chính thức và học thuật.

Nhìn chung, tiếng lóng là một hiện tượng ngôn ngữ thú vị, giúp ngôn ngữ phát triển và phong phú hơn, đồng thời cũng đặt ra những thách thức về việc duy trì sự cân bằng giữa sáng tạo và chuẩn mực trong giao tiếp.

# 

# **D.TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Thông tin bài đều đc trao đổi qua AI

- Phần mở bài: https://tailieu5s.net/tai-lieu/getFile?id\_onedrive\_view=5486160F15BB117%216920